

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2020

I. Thông tin chung (tính đến thời điểm xây dựng đề án)

1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu) và địa chỉ trang thông tin điện tử của trường

- Tên trường: Học viện Tài chính.
- Sứ mệnh: Cung cấp các sản phẩm đào tạo và nghiên cứu khoa học tài chính - kế toán chất lượng cao cho xã hội.
- Địa chỉ các trụ sở:
 - + Trụ sở chính: Số 58 Lê Văn Hiến, Phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.
 - + Cơ sở đào tạo: Số 53E Phan Phù Tiên, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
 - + Cơ sở đào tạo: Số 4, ngõ 1 Hàng Chuối, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà nội.
 - + Cơ sở đào tạo: Số 162 Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.
- Địa chỉ trang thông tin điện tử: www.hvtc.edu.vn; www.aof.edu.vn.
- Số tài khoản: 3714.0.1057799.00000 tại Kho bạc nhà nước Tây Hồ.

2. Quy mô đào tạo

Khối ngành	Quy mô hiện tại			
	Nghiên cứu sinh	Học viên cao học	Sinh viên đại học	
			GD chính quy	GD thường xuyên
Khối ngành III	246	1123	16.696	215
Khối ngành VII			1.818	
Tổng	246	1123	18.514	215

3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

3.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

- Năm 2018, Học viện tổ chức xét tuyển 03 phương thức:
 - + Xét tuyển thẳng và ưu tiên cộng điểm theo quy định của Bộ GD&ĐT.
 - + Xét tuyển thẳng học sinh giỏi dựa vào kết quả học tập bậc THPT.
 - + Xét tuyển căn cứ kết quả thi THPT Quốc gia năm 2018.

- Năm 2019, Học viện tổ chức xét tuyển theo 03 phương thức:
 - + Xét tuyển thẳng và ưu tiên cộng điểm theo quy định của Bộ GD&ĐT.
 - + Xét tuyển thẳng học sinh giỏi dựa vào kết quả học tập bậc THPT.
 - + Xét tuyển căn cứ kết quả thi THPT Quốc gia năm 2019.

3.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất của kỳ thi THPT Quốc gia

Khối ngành/ Ngành/ tổ hợp xét tuyển	Năm tuyển sinh 2018			Năm tuyển sinh 2019		
	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
1	5	6	7	5	6	7
Khối ngành III						
- Ngành Tài chính- Ngân hàng	2000	2041		2000	2092	
A00:			20,00			21,45
A01:			20,00			21,45
D01:			20,20			22,00
- Ngành Kế toán	1400	1482		1400	1542	
A00:			21,25			23,30
A01:			21,25			23,30
D01:			21,55			23,00
- Ngành Quản trị kinh doanh	240	248		240	251	
A00:			21,30			23,55
A01:			21,30			23,55
D01:			21,30			23,55
- Ngành Hệ thống thông tin quản lý	120	202		120	170	
A00:			19,75			21,25
A01:			19,75			21,25
D01:			19,75			21,25
Khối ngành VII						
- Ngành Kinh tế	240	274		240	247	
A01:			20,55			21,65
D01:			20,55			21,65
- Ngành Ngôn ngữ Anh	200	199		200	216	
D01:			27,72			29,82
Tổng	4200	4446	X	4200	4518	X

Năm 2018 và 2019, Học viện chỉ xét tuyển đợt 1.

II. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng

1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

1.1. Thống kê diện tích đất, diện tích sàn, kí túc xá

- Tổng diện tích đất của Học viện: **125.556 m²**.

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của cơ sở đào tạo (hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu, thư viện, trung tâm học liệu, trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập): **62.133 m²**.

- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: **1.704 chỗ**.

1.2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

TT	Tên	Các trang thiết bị chính
1	Phòng thực hành	Máy tính để bàn cấu hình cao, internet tốc độ cao, máy chiếu, camera giám sát, loa đài, mic, bộ lưu điện, các thiết bị nghe nhìn khác.
2	Bể bơi thông minh	Học viện có 01 bể bơi thông minh diện tích: 1.452 m ² phục vụ giảng dạy Giáo dục thể chất.

1.3. Thống kê phòng học

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu		35.841
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	1	2.959
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	6	540
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	100	13.844
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	2	130
1.5	Số phòng học đa phương tiện	8	1.200
1.6	phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	88	17.168
2	Thư viện, trung tâm học liệu	2	3.280
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập		17.250
	Tổng		56.371

1.4. Thống kê về học liệu (sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

TT	Khối ngành đào tạo	Số lượng
1	Khối ngành III, VII	Gồm hơn 28.731 đầu sách với 197.401 cuốn; 100.442 file, 1.031.003 trang Ebook; 1 cơ sở dữ liệu ElibraryWB gồm 28 chủ đề chính với trên 30.000 đầu tài liệu liên quan đến các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội; 103 đầu báo, tạp chí gồm 07 đầu tiếng Anh, 96 đầu tiếng Việt. Thư viện được trang bị khoảng 30 máy tính phục vụ việc tra cứu dữ liệu và truy cập Internet của sinh viên.

2. Giảng viên

III. Các thông tin của năm tuyển sinh năm 2020

1. Tuyển sinh đại học chính quy (bao gồm cả các chương trình chất lượng cao)

1.1. Đối tượng tuyển sinh

1.1.1. Những đối tượng thuộc diện xét tuyển thẳng và ưu tiên cộng điểm theo quy định của Bộ GD&ĐT

Xét tuyển thẳng đối với những thí sinh thuộc các đối tượng được quy định tại khoản 2 điều 7 Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành đào tạo giáo viên mầm non hiện hành, cụ thể:

(1) Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc đã tốt nghiệp trung học;

(2) Người đã trúng tuyển vào Học viện, nhưng ngay năm đó có lệnh điều động đi nghĩa vụ quân sự hoặc đi thanh niên xung phong tập trung nay đã hoàn thành nghĩa vụ, được phục viên, xuất ngũ mà chưa được nhận vào học ở một trường lớp chính quy dài hạn nào, được từ cấp trung đoàn trong quân đội hoặc Tổng đội thanh niên xung phong giới thiệu, nếu có đủ các điều kiện và tiêu chuẩn về sức khỏe, có đầy đủ các giấy tờ hợp lệ thì được xem xét nhận vào học tại Học viện. Nếu việc học tập bị gián đoạn từ 3 năm trở lên và các đối tượng được xét tuyển thẳng có nguyện vọng, thì được xem xét giới thiệu vào các trường, lớp dự bị để ôn tập trước khi vào học chính thức;

(3) Thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, trong đội tuyển quốc gia dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế đã tốt nghiệp THPT thì được xét tuyển thẳng vào Học viện theo ngành phù hợp với môn thi hoặc

nội dung đề tài dự thi của thí sinh (Xem phụ lục 01). Thí sinh trong đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế nếu chưa tốt nghiệp THPT sẽ được bảo lưu kết quả đến hết năm tốt nghiệp THPT;

(4) Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, đã tốt nghiệp THPT được xét tuyển thẳng vào Học viện theo ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi mà thí sinh đã đoạt giải (Xem phụ lục 01).

Thí sinh đoạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, đoạt giải trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, nếu chưa tốt nghiệp THPT được bảo lưu đến hết năm tốt nghiệp THPT;

(5) Đối với thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định: Giám đốc Học viện căn cứ vào kết quả học tập THPT của học sinh (học bạ), tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành đào tạo để xem xét, quyết định cho vào học;

(6) Đối với thí sinh là người nước ngoài, có nguyện vọng học tại Học viện: Giám đốc Học viện căn cứ kết quả học tập THPT của học sinh (bảng điểm) để xem xét, quyết định cho vào học (đạt yêu cầu về trình độ tiếng Việt theo quy định hiện hành);

(7) Thí sinh có hộ khẩu thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo hộ khẩu thường trú), tính đến ngày nộp hồ sơ ĐKXT theo quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo và Quyết định số 293/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho 23 huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao được áp dụng cơ chế, chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy định của Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo; thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ; những thí sinh này phải học bổ sung kiến thức 1 năm học trước khi vào học chính thức. Chương trình bổ sung kiến thức do Giám đốc Học viện quy định.

Đối với thí sinh đoạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, đoạt giải trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia và đã tốt nghiệp trung học, nếu

không dùng quyền xét tuyển thẳng thì sẽ được ưu tiên cộng điểm khi xét theo kết quả thi THPT vào Học viện Tài chính.

1.1.2. Những đối tượng thuộc diện xét tuyển thẳng học sinh giỏi ở bậc THPT

Những thí sinh tốt nghiệp THPT trên toàn quốc có hạnh kiểm 3 năm đạt loại tốt (không xét thí sinh tốt nghiệp theo hình thức Giáo dục thường xuyên), có đủ sức khỏe theo quy định hiện hành và thuộc các đối tượng sau:

1.1.2.1. Thí sinh được đăng ký tất cả các ngành của Học viện nếu thuộc một trong những đối tượng sau:

(1) Tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, trong đội tuyển quốc gia dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế; thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba, khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba, tư trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia có môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi về Toán, Tin học, Vật lý, Hóa học, tiếng Anh, Ngữ văn.

(2) **Học lực giỏi 3 năm** trong đó kết quả học tập lớp 12 của mỗi môn thuộc tổ hợp đăng ký xét tuyển không dưới 7,0.

(3) **Học lực giỏi 2 năm** trong đó có năm lớp 12 và kèm theo một trong các yêu cầu sau:

- Đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh/ thành phố trực thuộc TW của một trong các môn Toán, Tin học, Vật lý, Hóa học, tiếng Anh, Ngữ văn.

- Đạt giải nhất, nhì, ba trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp tỉnh/ thành phố trực thuộc TW có môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi về một trong lĩnh vực Toán, Tin học, Vật lý, Hóa học, tiếng Anh, Ngữ văn.

- Thí sinh có kết quả thi SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ) đạt tối thiểu từ 1050/1600 điểm.

- Kết quả điểm IELTS đạt tối thiểu từ 5.5 điểm hoặc TOEFL iBT đạt tối thiểu từ 55 điểm.

1.1.2.2. Thí sinh chỉ được đăng ký ngành Ngôn ngữ Anh, ngành Kinh tế của Học viện nếu thuộc một trong những đối tượng sau:

(4) **Học lực giỏi năm lớp 12** và kèm theo một trong các yêu cầu sau:

- Thí sinh có kết quả thi SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ) đạt tối thiểu từ 1050/1600 điểm.

- Kết quả điểm IELTS đạt tối thiểu từ 5.5 điểm hoặc TOEFL iBT đạt tối thiểu từ 55 điểm.

(5) Đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp Tỉnh/ thành phố trực thuộc TW trở lên của một trong các môn Toán, Vật lý, Hóa học, tiếng Anh, Ngữ văn.

1.1.3. Những đối tượng xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT năm 2020

(1) Những thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2020.

Người đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT có dự thi THPT năm 2020.

Người tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam, ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam.

Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành.

(2) Những thí sinh đăng ký xét tuyển hệ đại học chính quy khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ năm 2020 theo quy định riêng của Bộ GD&ĐT (nếu có).

1.1.4. Những đối tượng xét tuyển kết hợp chứng chỉ tiếng Anh quốc tế với kết quả thi THPT năm 2020

Những thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2020 có kết quả điểm thi 02 bài/môn thi Toán + Ngữ văn hoặc Toán + Vật lý hoặc Toán + Hóa học từ 11 điểm trở lên và kèm theo yêu cầu sau:

Có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ) đạt tối thiểu từ 1050/1600 hoặc kết quả điểm IELTS đạt tối thiểu từ 5.5 điểm hoặc TOEFL iBT đạt tối thiểu từ 55 điểm.

1.1.5. Những đối tượng nước ngoài xét tuyển dựa vào kết quả học tập bậc THPT

Học sinh các nước theo chương trình hợp tác, trao đổi sinh viên.

1.2. Phạm vi tuyển sinh

Học viện tổ chức tuyển sinh trên phạm vi cả nước và các nước khác.

1.3. Phương thức tuyển sinh và nguyên tắc xét tuyển năm 2020

1.3.1. Phương thức tuyển sinh:

(1) Xét tuyển thẳng và ưu tiên cộng điểm theo quy định của Bộ GD&ĐT.

(2) Xét tuyển thẳng học sinh giỏi ở bậc THPT.

(3) Xét tuyển căn cứ kết quả thi THPT năm 2020.

(4) Xét tuyển kết hợp chứng chỉ tiếng Anh quốc tế với kết quả thi THPT năm 2020.

(5) Xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT đối với thí sinh nước ngoài.

1.3.2. Nguyên tắc xét tuyển và thứ tự ưu tiên xét tuyển

1.3.2.1. Nguyên tắc xét tuyển thẳng và ưu tiên cộng điểm theo quy định của Bộ GD&ĐT

- Xét tuyển thẳng thí sinh đạt giải quốc gia, quốc tế: Theo nguyên tắc xét tuyển vào ngành đứng trước, sau đó xét tuyển vào ngành phù hợp (Phụ lục 01).

- Thí sinh không dùng quyền xét tuyển thẳng theo quy chế của Bộ GD&ĐT sẽ được ưu tiên xét tuyển theo nguyên tắc:

+ Xét tuyển vào ngành đúng trước, sau đó xét tuyển vào ngành phù hợp.

+ Ưu tiên cộng điểm thưởng vào điểm xét tuyển của thí sinh căn cứ theo giải thí sinh đạt được: giải nhất được ưu tiên cộng thêm 2 điểm, giải nhì ưu tiên cộng 1,5 điểm, giải ba ưu tiên cộng 1 điểm và giải khuyến khích/giải tư ưu tiên cộng 0,5 điểm. Học viện sẽ thông báo công khai danh sách thí sinh được cộng điểm trước khi công bố điểm chuẩn.

- Xét tuyển thí sinh diện Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP theo nguyên tắc xét điểm từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu. Trường hợp nhiều thí sinh có cùng mức điểm xét tuyển dẫn đến vượt chỉ tiêu thì Học viện sẽ xem xét các tiêu chí phụ để xét tuyển. Điểm xét tuyển là điểm bình quân 3 năm học THPT, có tính đến kết quả thi tốt nghiệp THPT.

Sau khi nhập học, những thí sinh xét tuyển phải học bổ sung kiến thức 1 năm (theo chương trình bổ sung kiến thức do Giám đốc Học viện quy định) trước khi vào học chính thức.

1.3.2.2. Thứ tự ưu tiên, cách tính điểm xét tuyển và nguyên tắc xét tuyển thẳng học sinh giỏi ở bậc THPT

a) Thứ tự ưu tiên xét tuyển:

Thứ tự ưu tiên 1: Thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, trong đội tuyển quốc gia dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế; thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba, khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba, tư trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia có môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi về Toán, Tin học, Vật lý, Hóa học, tiếng Anh, Ngữ văn.

Thứ tự ưu tiên 2: Thí sinh các lớp chuyên Toán, Tin, Lý, Hóa, Anh, Văn của trường THPT năng khiếu/chuyên quốc gia, trường THPT năng khiếu/chuyên cấp tỉnh/ thành phố trực thuộc TW đạt học lực giỏi 3 năm hoặc 2 năm trong đó có năm lớp 12 và kèm theo một trong các yêu cầu sau:

- Đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh/ thành phố trực thuộc TW của một trong các môn Toán, Tin học, Vật lý, Hóa học, tiếng Anh, Ngữ văn.

- Đạt giải nhất, nhì, ba trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp tỉnh/ thành phố trực thuộc TW có môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi về một trong lĩnh vực Toán, Tin học, Vật lý, Hóa học, tiếng Anh, Ngữ văn.

- Thí sinh có kết quả thi SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ) đạt tối thiểu từ 1050/1600 điểm.

- Kết quả điểm IELTS đạt tối thiểu từ 5.5 điểm hoặc TOEFL iBT đạt tối thiểu từ 55 điểm.

Thứ tự ưu tiên 3: Thí sinh học trường THPT trên toàn quốc đạt học lực giỏi 3 năm hoặc 2 năm trong đó có năm lớp 12 và kèm theo một trong các điều kiện sau:

- Đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh/ thành phố trực thuộc TW của một trong các môn Toán, Tin học, Vật lý, Hóa học, tiếng Anh, Ngữ văn.

- Đạt giải nhất, nhì, ba trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp tỉnh/ thành phố trực thuộc TW có môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi về một trong lĩnh vực Toán, Tin học, Vật lý, Hóa học, tiếng Anh, Ngữ văn.

- Thí sinh có kết quả thi SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ) đạt tối thiểu từ 1050/1600 điểm.

- Kết quả điểm IELTS đạt tối thiểu từ 5.5 điểm hoặc TOEFL iBT đạt tối thiểu từ 55 điểm.

Thứ tự ưu tiên 4: Thí sinh trường THPT chuyên/năng khiếu quốc gia, trường THPT chuyên/năng khiếu cấp cấp Tỉnh/ thành phố trực thuộc TW đạt học lực giỏi 3 năm trong đó kết quả học tập lớp 12 của mỗi môn thuộc tổ hợp đăng ký xét tuyển không dưới 7,0 (thí sinh học các lớp chuyên Toán, Tin, Lý, Hóa, Anh, Văn được ưu tiên xét tuyển trước các lớp khác).

Thứ tự ưu tiên 5: Thí sinh học trường THPT trên toàn quốc đạt học lực giỏi 3 năm trong đó kết quả học tập lớp 12 của mỗi môn thuộc tổ hợp đăng ký xét tuyển không dưới 7,0.

Riêng ngành Ngôn ngữ Anh, ngành Kinh tế, ngoài 5 thứ tự ưu tiên trên còn xét bổ sung thứ tự ưu tiên sau:

Thứ tự ưu tiên 2b: Thí sinh các lớp chuyên Toán, Tin, Lý, Hóa, Anh, Văn của trường THPT năng khiếu/chuyên quốc gia, trường THPT năng khiếu/chuyên cấp tỉnh/ thành phố trực thuộc TW được đăng ký ngành Ngôn ngữ Anh, ngành Kinh tế của Học viện nếu đủ 1 trong các điều kiện sau:

- Học lực giỏi năm lớp 12 và kèm theo một trong các yêu cầu sau:

+ Thí sinh có kết quả thi SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ) đạt tối thiểu từ 1050/1600 điểm.

+ Kết quả điểm IELTS đạt tối thiểu từ 5.5 điểm hoặc TOEFL iBT đạt tối thiểu từ 55 điểm.

- Đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh/ thành phố trực thuộc TW trở lên của một trong các môn Toán, Vật lý, Hóa học, tiếng Anh, Ngữ văn.

Thứ tự ưu tiên 3b: Thí sinh học trường THPT trên toàn quốc được đăng ký ngành Ngôn ngữ Anh hoặc ngành Kinh tế của Học viện nếu đủ 1 trong các điều kiện sau:

- Học lực giỏi năm lớp 12 và kèm theo một trong các yêu cầu sau:

+ Thí sinh có kết quả thi SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ) đạt tối thiểu từ 1050/1600 điểm.

+ Kết quả điểm IELTS đạt tối thiểu từ 5.5 điểm hoặc TOEFL iBT đạt tối thiểu từ 55 điểm.

- Đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh/ thành phố trực thuộc TW trở lên của một trong các môn Toán, Vật lý, Hóa học, tiếng Anh, Ngữ văn.

b. Cách tính điểm xét tuyển học sinh giỏi dựa vào kết quả học tập bậc THPT:

$ĐXT = \text{Điểm môn 1} + \text{Điểm môn 2} + \text{Điểm môn 3} + ĐUT$ (nếu có)

- Điểm môn 1 = ĐTB cả năm lớp 12 Môn 1

- Điểm môn 2 = ĐTB cả năm lớp 12 Môn 2

- Điểm môn 3 = ĐTB cả năm lớp 12 Môn 3

(Trong đó, ĐXT: Điểm xét tuyển; ĐTB: Điểm trung bình, ĐUT: Điểm ưu tiên đối tượng theo quy chế tuyển sinh hiện hành).

c) Nguyên tắc:

- Xét tuyển lần lượt theo thứ tự từ ưu tiên 1 đến ưu tiên 5, trong cùng một mức thứ tự ưu tiên, xét theo thứ tự nguyện vọng và lấy điểm từ cao xuống thấp dựa vào điểm xét tuyển cho đến hết số lượng theo chỉ tiêu của ngành xét tuyển.

- Điểm xét tuyển lấy đến 2 chữ số thập phân để xét tuyển. Nếu nhiều hồ sơ có điểm xét tuyển bằng nhau thì lấy điểm trung bình môn Toán làm tiêu chí phụ xét từ cao xuống thấp.

1.3.2.3. Nguyên tắc xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT năm 2020

Thí sinh được đăng ký xét tuyển không giới hạn số nguyện vọng và phải sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất). Trong xét tuyển đợt 1, đối với từng ngành của Học viện, thí sinh được xét tuyển bình đẳng theo kết quả thi, không phân biệt thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký.

Đối với mỗi thí sinh, nếu đăng ký xét tuyển vào nhiều ngành thì việc xét tuyển được thực hiện theo thứ tự ưu tiên của các nguyện vọng; thí sinh chỉ trúng tuyển vào 1 nguyện vọng ưu tiên cao nhất có thể trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký.

Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì xét trúng tuyển theo điều kiện phụ của Học viện, đó là thí sinh có điểm thi môn Toán cao hơn sẽ trúng

tuyển. Nếu sau khi xét đến tiêu chí phụ mà vẫn còn vượt chỉ tiêu thì ưu tiên thí sinh có nguyện vọng cao hơn. Trường hợp chưa đủ chỉ tiêu thì Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh Học viện quyết định tuyển đợt kế tiếp.

Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học trong thời hạn quy định. Quá thời hạn này, thí sinh không xác nhận nhập học được xem như từ chối nhập học và Học viện xét tuyển thí sinh khác trong đợt xét tuyển bổ sung (nếu có).

Kết thúc xét tuyển đợt 1, tại mức điểm trúng tuyển vào từng ngành, nếu còn chỉ tiêu, Học viện xét tuyển đợt bổ sung (đợt 2, 3...) theo quy định của Bộ GD&ĐT. Điểm nhận hồ sơ xét tuyển các đợt bổ sung không thấp hơn điểm trúng tuyển đợt 1 vào Học viện.

Nguyên tắc xét tuyển hệ đại học chính quy khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ năm 2020: theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT.

1.3.2.4. Nguyên tắc xét tuyển kết hợp Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế với kết quả thi THPT năm 2020

Bảng quy đổi điểm chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo thang điểm 10

TT	IELTS	TOEFL iBT	SAT	Quy đổi theo thang điểm 10
1	5.5	55 - dưới 60	1050 - dưới 1200/1600	9,0
2	Từ 6.0 trở lên	60 trở lên	1200/1600 trở lên	10

Điểm xét tuyển = Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm môn 3 × 2 + ĐUT (nếu có)

Trong đó: - Điểm môn 1: Là điểm môn Toán

- Điểm môn 2: Là điểm môn Ngữ Văn hoặc Vật Lý hoặc Hóa Học

- Điểm môn 3: Là điểm tiếng Anh quốc tế quy đổi theo thang điểm 10

- ĐUT: Điểm ưu tiên đối tượng theo quy chế tuyển sinh hiện hành

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh

Tổng chỉ tiêu là 4200 trong đó xét tuyển thẳng học sinh giỏi ở bậc THPT, xét tuyển kết hợp Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế với kết quả thi THPT năm 2020 ít nhất 50%, số còn lại xét tuyển theo kết quả thi THPT năm 2020.

Trường hợp không đủ chỉ tiêu, Học viện tiếp tục xét tuyển bổ sung theo các phương thức trên cho đến khi tuyển đủ chỉ tiêu dựa trên nguyên tắc không thấp hơn ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Học viện ở đợt 1.

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành/ chuyên ngành	Mã tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu
Chương trình chất lượng cao (Điểm môn chính tiếng Anh nhân đôi)				500
1	7340201C06	Hải quan và Logistics	A01; D01; D07	50
2	7340201C09	Phân tích tài chính	A01; D01; D07	50
3	7340201C11	Tài chính doanh nghiệp	A01; D01; D07	150
4	7340301C21	Kế toán doanh nghiệp	A01; D01; D07	150
5	7340301C22	Kiểm toán	A01; D01; D07	100
Chương trình chuẩn (Ngành Ngôn ngữ Anh điểm môn chính tiếng Anh nhân đôi đối với diện xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT năm 2020)				3700
1	7220201	Ngôn ngữ Anh	A01; D01; D07	200
2	7310101	Kinh tế	A01; D01; D07	270
3	7340101	Quản trị kinh doanh	A00; A01; D01; D07	270
4	7340201	Tài chính - Ngân hàng	A00; A01; D07	1240
			D01	500
5	7340301	Kế toán	A00; A01; D07	800
			D01	300
6	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	A00; A01, D01; D07	120

Các mã tổ hợp A00, A01, D07 sẽ được điều chỉnh phù hợp với phương án thi THPT năm 2020.

Khi xét tuyển thẳng học sinh giỏi ở bậc THPT, đối với các thí sinh ứng tuyển trong mỗi thứ tự ưu tiên, Học viện sẽ gọi xác nhận nhập học các thí sinh đăng ký vào chương trình chất lượng cao trước và thí sinh chất lượng cao phải đảm bảo yêu cầu về tiếng Anh thông qua bài kiểm tra trình độ tiếng Anh.

*** Chỉ tiêu xét tuyển chương trình DDP liên kết đào tạo giữa Học viện Tài chính với trường đại học Greenwich (UK) mỗi bên cấp 1 bằng cử nhân**

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành	Mã tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu
1	7340201DDP	Tài chính - Ngân hàng	A00; A01; D01; D07	120

(Tuyển sinh theo đề án riêng, chi tiết xem trên trang tin điện tử: www.hvtc.edu.vn)

*** Chỉ tiêu xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT đối với thí sinh nước ngoài: 30 chỉ tiêu.**

Học bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Cụ thể: tiếng Việt học với các chương trình chuẩn; tiếng Anh học với chương trình chất lượng cao hoặc chương trình liên kết đào tạo mỗi bên cấp một bằng đại học giữa Học viện tài chính với Trường Đại học Greenwich (Vương quốc Anh).

*** Chỉ tiêu xét tuyển chương trình liên kết đào tạo Đại học Toulon (Cộng hòa Pháp) năm 2020:**

TT	Tên ngành	Chỉ tiêu
1	Bảo hiểm - Ngân hàng - Tài chính	200
2	Kế toán - Kiểm soát - Kiểm toán	

(Tuyển sinh theo đề án riêng, chi tiết xem trên trang tin điện tử: www.hvtc.edu.vn)

1.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

Điểm xét tuyển của thí sinh sử dụng kết quả kỳ thi THPT năm 2020 vào từng ngành của Học viện Tài chính có tổng điểm 3 môn thi thuộc 1 trong các tổ hợp ĐKXT (đã cộng điểm ưu tiên theo khu vực và đối tượng) là từ 17 điểm trở lên đối với chương trình chuẩn và từ 18 điểm trở lên đối với chương trình chất lượng cao theo từng mã xét tuyển. Ngoài ra, không có môn thi trong tổ hợp xét tuyển có kết quả từ 1 điểm trở xuống.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường: mã số trường, mã số ngành, tổ hợp xét tuyển

Mã số trường: HTC

STT	Mã ngành	Tên ngành
1	7220201	Ngôn ngữ Anh
2	7310101	Kinh tế
3	7340101	Quản trị kinh doanh
4	7340201	Tài chính - Ngân hàng
5	7340301	Kế toán
6	7340405	Hệ thống thông tin quản lý

Tổ hợp các môn thi tuyển để tham gia xét tuyển:

TT	Tên các môn thi	Mã tổ hợp
1	Toán, Vật lí, Hóa học	A00
2	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	A01
3	Ngữ Văn, Toán, Tiếng Anh	D01
4	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	D07

Các mã tổ hợp A00, A01, D07 sẽ được điều chỉnh phù hợp với phương án thi THPT năm 2020.

Danh sách các ngành được cấp phép đào tạo tại Học viện:

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo
1	Ngôn ngữ Anh	7220201	1508/QĐ-BGDĐT ngày 27/03/2006	Bộ GD&ĐT	2006
2	Kinh tế	7310101	2227/QĐ-BGDĐT ngày 14/06/2012	Bộ GD&ĐT	2012
3	Quản trị kinh doanh	7340101	519/QĐ-BGDĐT ngày 06/02/2003	Bộ GD&ĐT	2003
4	Tài chính - Ngân hàng	7340201	QĐ-BGDĐT ngày 31/07/1963	Bộ GD&ĐT	1963
5	Kế toán	7340301	QĐ-BGDĐT ngày 31/07/1963	Bộ GD&ĐT	1963
6	Hệ thống thông tin quản lý	7340405	519/QĐ-BGDĐT ngày 06/02/2003	Bộ GD&ĐT	2003

Thông tin thêm về ngành, chuyên ngành xem trên trang tin điện tử: www.hvtc.edu.vn

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/ thi tuyển, tổ hợp môn thi/ bài thi đối với từng ngành đào tạo...

1.7.1. Hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng và ưu tiên cộng điểm theo quy định của Bộ GD&ĐT

Thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng gửi hồ sơ về Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 20/06/2020. Hồ sơ gồm:

(1) Phiếu đăng ký tuyển thẳng.

(2) Bản photo chứng thực: Giấy chứng nhận là thành viên tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic khu vực và quốc tế hoặc chứng nhận là thành viên đội tuyển tham dự cuộc thi khoa học kỹ thuật quốc tế (có tên trong danh sách của Bộ GD&ĐT); Giấy chứng nhận đạt giải kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; Giấy chứng nhận đạt giải cuộc thi khoa học kỹ thuật quốc gia và giấy chứng nhận các đối tượng ưu tiên tuyển thẳng khác.

(3) Hai phong bì đã dán tem và ghi rõ họ tên, địa chỉ liên lạc, số điện thoại của thí sinh; hai ảnh chân dung cỡ 4 x 6.

Hồ sơ đăng ký ưu tiên xét tuyển khi thí sinh không dùng quyền xét tuyển thẳng:

Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký ưu tiên xét tuyển vào Học viện gửi hồ sơ về Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 20/06/2020. Hồ sơ gồm:

(1) Phiếu ĐKXT có ghi rõ đợt xét tuyển, cho phép thí sinh đăng ký tối đa 2 ngành của Học viện. Các ngành được xét theo thứ tự ưu tiên từ 1 đến 2.

(2) Phiếu đăng ký ưu tiên xét tuyển.

(3) Bản photo chứng thực giấy chứng nhận đạt giải kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; giấy chứng nhận đạt giải Cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc gia, quốc tế.

(4) 01 phong bì đã dán sẵn tem và ghi rõ địa chỉ liên lạc của thí sinh.

Hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP:

Hồ sơ gửi về Sở GD&ĐT trước ngày 20/06/2020. Hồ sơ gồm:

(1) Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng.

(2) Bản photo chứng thực học bạ 3 năm học trung học phổ thông.

(3) Hai phong bì đã dán tem và ghi rõ họ tên, địa chỉ liên lạc, số điện thoại của thí sinh; hai ảnh chân dung cỡ 4 x 6.

(4) Bản photo chứng thực hộ khẩu thường trú.

1.7.2. Hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng học sinh giỏi ở bậc THPT

1.7.2.1. Quy định về hồ sơ:

(1) Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu của Học viện.

(2) Các giấy tờ thí sinh nộp kèm theo gồm:

+ Bản photo chứng thực học bạ THPT (hoặc kết quả học tập trích ngang).

+ Bản photo chứng thực các giấy tờ ưu tiên (nếu có).

+ Bản photo chứng thực giấy xác nhận của cơ quan thẩm quyền (Sở/Bộ) về nội dung đề tài dự thi cấp tỉnh, cấp Bộ liên quan môn học (nếu có).

Thí sinh nộp 1 bộ hồ sơ có thể đăng ký xét tuyển vào nhiều ngành của Học viện.

1.7.2.2. Hình thức, thời gian đăng ký:

Hình thức đăng ký:

- Đăng ký trực tuyến qua trang thông tin điện tử của Học viện.

- Nộp hồ sơ qua đường bưu điện theo thư đảm bảo hoặc chuyển phát nhanh theo địa chỉ phòng 110, Ban Quản lý đào tạo, Học viện Tài chính, số 58 Lê Văn Hiến, Phường Đức Thắng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

- Nộp trực tiếp tại hội trường 700 Học viện Tài chính, số 58 Lê Văn Hiến, Phường Đức Thắng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

Thời gian đăng ký: dự kiến từ ngày 23/6 – 23/7/2020.

1.7.2.3. Thời gian công bố kết quả xét tuyển và xác nhận nhập học:

- Xét tuyển, gửi dữ liệu về Bộ, công bố kết quả dự kiến trước ngày 01/9/2020 (xem thông báo chi tiết trên trang thông tin điện tử của Học viện).

- Thí sinh trúng tuyển xác nhận nhập học dự kiến từ ngày 4/9 – 07/9/2020 và phải nộp bản gốc giấy chứng nhận kết quả thi THPT năm 2020 (xem thông báo chi tiết trên trang thông tin điện tử của Học viện).

1.7.2.4. Lệ phí xét tuyển thẳng học sinh giỏi ở bậc THPT: 100.000 đồng/ 1 hồ sơ.

1.7.3. Hồ sơ đăng ký xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT năm 2020

Đăng ký xét tuyển đợt 1: Hồ sơ ĐKXT theo quy định của Bộ GD&ĐT. Thí sinh được ĐKXT vào tất các ngành của Học viện; thí sinh được điều chỉnh 1 lần nguyện vọng trong thời gian quy định của Bộ GD&ĐT.

Đăng ký xét tuyển các đợt bổ sung (nếu có): Thí sinh nộp Phiếu ĐKXT cho Học viện qua đường bưu điện theo hình thức thư chuyển phát nhanh hoặc đăng ký trực tuyến hoặc nộp trực tiếp tại Học viện, nộp lệ phí ĐKXT qua tài khoản ngân hàng của Học viện.

Điểm nhận hồ sơ xét tuyển các đợt bổ sung không thấp hơn điểm trúng tuyển đợt 1. Thời gian ĐKXT đợt bổ sung Học viện sẽ thông báo trên trang thông tin điện tử hoặc phương tiện thông tin đại chúng khác.

Thí sinh chịu trách nhiệm về tính xác thực của các thông tin trong hồ sơ ĐKXT và hồ sơ đăng ký dự thi. Học viện từ chối tiếp nhận hoặc buộc thôi học nếu thí sinh không đảm bảo các điều kiện trúng tuyển khi đối chiếu thông tin trong hồ sơ ĐKXT và hồ sơ đăng ký dự thi với hồ sơ gốc.

Hồ sơ xét tuyển được gửi theo các hình thức trên trong thời gian quy định đều là hợp lệ và được Học viện tiếp nhận để xét tuyển với giá trị như nhau.

1.7.4. Hồ sơ đăng ký xét tuyển kết hợp chứng chỉ tiếng Anh quốc tế với kết quả thi THPT năm 2020

1.7.4.1. Quy định về hồ sơ:

(1) Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu của Học viện.

(2) Các giấy tờ thí sinh nộp kèm theo gồm:

+ Bản photo chứng thực giấy chứng nhận kết quả thi THPT năm 2020.

+ Bản photo chứng thực chứng chỉ tiếng Anh quốc tế.

Thí sinh nộp 1 bộ hồ sơ có thể đăng ký xét tuyển vào nhiều ngành của Học viện.

1.7.4.2. Hình thức, thời gian đăng ký:

Hình thức đăng ký:

- Đăng ký trực tuyến qua trang thông tin điện tử của Học viện.

- Nộp hồ sơ qua đường bưu điện theo thư đảm bảo hoặc chuyển phát nhanh theo địa chỉ phòng 110, Ban Quản lý đào tạo, Học viện Tài chính, số 58 Lê Văn Hiến, Phường Đức Thắng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

- Nộp trực tiếp tại hội trường 700 Học viện Tài chính, số 58 Lê Văn Hiến, Phường Đức Thắng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

Thời gian đăng ký: dự kiến từ ngày 4/9 – 06/9/2020.

1.7.4.3. Thời gian công bố kết quả xét tuyển và xác nhận nhập học:

- Xét tuyển, gửi dữ liệu về Bộ, công bố kết quả dự kiến trước ngày 08/9/2020 (xem thông báo chi tiết trên trang thông tin điện tử của Học viện).

- Thí sinh trúng tuyển xác nhận nhập học dự kiến vào ngày 09/9/2020 và phải nộp bản gốc giấy chứng nhận kết quả thi THPT năm 2020 (xem thông báo chi tiết trên trang thông tin điện tử của Học viện).

1.7.4.4. Lệ phí xét tuyển: 100.000 đồng/ 1 hồ sơ.

1.7.5. Tổ hợp môn thi đối với từng ngành đào tạo

TT	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp
1	7220201	Ngôn ngữ Anh (điểm môn chính: Tiếng Anh nhân đôi)	A01; D01; D07
2	7310101	Kinh tế	A01; D01; D07
3	7340101	Quản trị kinh doanh	A00; A01; D01; D07
4	7340201	Tài chính - Ngân hàng	A00; A01; D01; D07
5	7340301	Kế toán	A00; A01; D01; D07
6	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	A00; A01, D01; D07

Các tổ hợp A00, A01, D07 sẽ được điều chỉnh phù hợp với phương án thi THPT năm 2020.

Hết thời hạn xác nhận nhập học đối với các phương thức xét tuyển, thí sinh không xác nhận nhập học được xem như từ chối nhập học và Học viện dành chỉ tiêu cho thí sinh khác trong đợt xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT.

1.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển;...

Chính sách ưu tiên theo quy định của Bộ GD&ĐT.

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển

Sau khi có quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về lệ phí xét tuyển, Học viện sẽ thông báo chi tiết trên trang thông tin điện tử: www.hvtc.edu.vn.

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)

- Chương trình chuẩn: Học phí dự kiến năm học 2020-2021 là 12.000.000đ (theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 đối với cơ sở giáo dục công lập chưa tự đảm bảo kinh phí chi thường xuyên và chi đầu tư); từ năm học 2021-2022 học phí sẽ được điều chỉnh theo quy định hiện hành của Nhà nước nhưng không vượt quá 16.000.000đ/năm học).

- Chương trình chất lượng cao: 180.000.000đ (mức học phí bình quân: 45.000.000đ/sinh viên/năm học).

- Diện 3 tây (Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ), bộ đội gửi học: Học phí 4 năm (tạm tính ở mức chưa tự chủ kinh phí chi thường xuyên và chi đầu tư)

là: 160.000.000đ (mức học phí bình quân: 40.000.000đ/sinh viên/năm học).

- Chương trình xét tuyển học sinh các nước khu vực Đông Nam Á: theo quy định của Học viện đối với sinh viên nước ngoài diện tự túc kinh phí.

- Chương trình liên kết đào tạo mỗi bên cấp một bằng đại học giữa Học viện Tài chính với Trường Đại học Greenwich (Vương quốc Anh), học phí không thay đổi trong suốt 4 năm học như sau:

+ Học 4 năm trong nước: 280.000.000 đ (mức học phí bình quân: 70.000.000đ/sinh viên/năm)

+ Học 3 năm trong nước + 1 năm tại Trường Đại học Greenwich (Vương quốc Anh): 770.000.000đ (mức học phí bình quân: 192.500.000đ/sinh viên/năm).

- Chương trình liên kết đào tạo Đại học Toulon cấp bằng học trong 3 năm: Chuyên ngành Bảo hiểm - Ngân hàng - Tài chính là 156.000.000đ (mức học phí bình quân: 52.000.000đ/sinh viên/năm); Chuyên ngành Kế toán-Kiểm soát-Kiểm toán là 168.000.000đ (mức học phí 2 năm đầu là 52.000.000đ/sinh viên/năm, riêng năm cuối là 64.000.000đ).

1.11. Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc trong quá trình đăng ký dự thi, đăng ký xét tuyển đại học hệ chính quy năm 2020

Địa chỉ trang thông tin điện tử của Học viện: www.hvtc.edu.vn

Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc:

Hotline 1: 0961.481.086

Hotline 2: 0967.684.086

Hotline 3: 02438.362.161

1.12. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt bổ sung trong năm

Tuyển sinh bổ sung đợt 2: tháng 10-12/2020 (nếu còn chỉ tiêu)

1.13. Tình hình việc làm (thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất)

Khối ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh		Số sv trúng tuyển nhập học		Số sv tốt nghiệp		Trong đó số SV/HS tốt nghiệp đã có việc làm trong 1 năm kể từ khi tốt nghiệp	
	K51	K52	K51	K52	K51	K52	K51	K52
KN III	3110	3660	3259	3516	2667	3039	1223	2667
KN VII	240	340	259	361	196	290	154	287
Tổng	3350	4000	3518	3877	2863	3329	1377*	2954**

Chi chú:

* Trong số 1400 sinh viên K51 đã tốt nghiệp và tham gia phản hồi khảo sát.

** Trong số 3006 sinh viên K52 đã tốt nghiệp và tham gia phản hồi khảo sát.

Tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2018:

TT	Mã ngành	Tên ngành đào tạo	Số SVTN năm 2018	Số SVTN được khảo sát	Tỷ lệ % SV có việc làm/tổng số sinh viên được khảo sát	Tỷ lệ % SV có việc làm được khảo sát /tổng số sinh viên tốt nghiệp
1	7220201	Ngôn ngữ Anh	128	126	100	98,44
2	7310101	Kinh tế	162	162	99,38	99,38
3	7340101	Quản trị kinh doanh	188	188	96,81	96,81
4	7340201	Tài chính - Ngân hàng	1478	1383	98,34	92,02
5	7340301	Kế toán	1304	1078	98,14	81,13
6	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	69	69	97,10	97,10
		Tổng cộng	3329	3006	98,27	88,74

1.14. Tài chính

- Tổng nguồn thu hợp pháp năm 2019 của Học viện: 216.549.000.000đ
- Tổng chi phí đào tạo trung bình một sinh viên năm 2019:
 - + Chương trình chuẩn: 12.000.000đ/sinh viên/năm (chưa bao gồm kinh phí hỗ trợ từ NSNN).
 - + Chương trình chất lượng cao: 45.000.000đ/sinh viên/năm (chưa bao gồm kinh phí hỗ trợ từ NSNN).

2. Tuyển sinh vừa làm vừa học

2.1. Đối tượng tuyển sinh

- Đối tượng tốt nghiệp THPT, bổ túc THPT (gọi chung là THPT)
- Đối tượng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề (gọi chung là trung cấp).

2.2. Phạm vi tuyển sinh

Học viện tổ chức tuyển sinh trong phạm vi cả nước.

2.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

Xét tuyển căn cứ vào kết quả học tập bậc THPT, trung cấp.

Nguyên tắc xét tuyển:

- Điểm xét tuyển của các tổ hợp xét tuyển khác nhau do thí sinh đăng ký có giá trị như nhau và được lấy từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.
- Điểm xét tuyển lấy đến 1 chữ số thập phân.

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:

TT	Tên ngành	Chỉ tiêu
1	Quản trị kinh doanh	80
2	Tài chính – Ngân hàng	80
3	Kế toán	80
	Tổng cộng:	240

2.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển

Đã tốt nghiệp bậc THPT; trung cấp.

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh đăng ký dự tuyển vào các ngành của trường: mã số trường, mã số ngành, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

Mã số trường: HTC

STT	Mã ngành	Tên ngành
1	7340101	Quản trị kinh doanh
2	7340201	Tài chính - Ngân hàng
3	7340301	Kế toán

2.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo

- Hồ sơ: theo mẫu quy định phát hành tại Khoa Tài chức, Học viện Tài chính.

- Thời gian và địa điểm phát hành và nhận hồ sơ: Trong giờ hành chính từ ngày 25/3/2020 đến 25/5/2020 tại Khoa Tài chức, Học viện Tài chính (Phòng 115, tầng 1, nhà Hiệu bộ, số 58 Lê văn Hiến, Bắc Từ Liêm, Hà Nội).

2.8. Chính sách ưu tiên

Đối tượng tuyển thẳng là những người đã có bằng tốt nghiệp đại học.

2.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển

Lệ phí xét tuyển hệ vừa làm vừa học là: 100.000 đồng/lần xét tuyển, nộp ngay khi mua hồ sơ đăng ký dự tuyển.

2.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)

2.11. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)

2.12. Thời gian dự kiến tuyển sinh và các đợt tuyển bổ sung trong năm

- Tuyển sinh đợt 1: Tháng 6/2020; tuyển bổ sung đợt 1: 7/2020

- Tuyển sinh đợt 2: Tháng 11/2020; tuyển bổ sung đợt 2: 12/2020

3. Tuyển sinh cấp bằng đại học thứ 2

3.1. Đối tượng tuyển sinh

3.1.1. Loại hình chính quy

** Đối tượng đào tạo 1,5 năm:*

Thí sinh đã có bằng tốt nghiệp trình độ đại học loại hình đào tạo chính quy có ngành đào tạo đúng hoặc gần với ngành đào tạo Học viện thông báo tuyển sinh.

** Đối tượng đào tạo 2,5 năm*

Thí sinh đã có bằng tốt nghiệp trình độ đại học loại hình đào tạo chính quy.

Thí sinh có bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải có công nhận văn bằng do Bộ GD&ĐT xác nhận.

3.1.2. Loại hình vừa làm vừa học

** Đối tượng đào tạo 1,5 năm:*

Thí sinh đã có bằng tốt nghiệp trình độ đại học có ngành đào tạo đúng hoặc gần với ngành đào tạo Học viện thông báo tuyển sinh.

** Đối tượng đào tạo 2,5 năm*

Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học.

Thí sinh có bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải có công nhận văn bằng do Bộ GD&ĐT xác nhận.

3.2. Phạm vi tuyển sinh

Học viện tuyển sinh trên toàn quốc.

3.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

3.3.1. Loại hình chính quy

- Xét tuyển thẳng: Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học chính quy của Học viện Tài chính.

- Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở bậc đại học: Xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến hết số lượng theo chỉ tiêu của ngành xét tuyển, điểm xét tuyển là điểm trung bình chung tích lũy ở bậc đại học.

3.3.2. Loại hình vừa làm vừa học

- Xét tuyển thẳng: Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học chính quy thuộc nhóm ngành khoa học tự nhiên, kỹ thuật, kinh tế, công nghệ.

- Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở bậc đại học: Xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến hết số lượng theo chỉ tiêu của ngành xét tuyển, điểm xét tuyển là điểm trung bình chung tích lũy ở bậc đại học.

3.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

TT	Tên ngành	Chính quy	Vừa làm vừa học
1	Ngôn ngữ Anh	50	50
2	Kinh tế	50	50
3	Quản trị kinh doanh	50	50
4	Tài chính - Ngân hàng	100	50
5	Kế toán	200	50
6	Hệ thống thông tin quản lý	50	50
	Tổng cộng:	500	300

3.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

Thí sinh đã tốt nghiệp đại học. Học viện quy định cụ thể kết quả xét tuyển, điểm trúng tuyển để đảm bảo chất lượng đầu vào.

3.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của Học viện: mã số trường, mã số ngành, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển...

Mã số trường: HTC

TT	Mã ngành	Tên ngành
1	7220201	Ngôn ngữ Anh
2	7310101	Kinh tế
3	7340101	Quản trị kinh doanh
4	7340201	Tài chính - Ngân hàng
5	7340301	Kế toán
6	7340405	Hệ thống thông tin quản lý

3.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo...

- Hồ sơ: theo mẫu quy định phát hành của Học viện Tài chính.
- Thời gian, địa điểm phát hành và nhận hồ sơ: Theo thông báo của Học viện.

3.8. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển...

Theo quy định hiện hành và quy định của Học viện Tài chính.

3.9. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)

3.10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)...

3.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt bổ sung trong năm: tháng 10 và 12.

4. Tuyển sinh liên thông từ cao đẳng lên đại học

4.1. Đối tượng tuyển sinh

4.1.1. Loại hình chính quy

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp cao đẳng thuộc khối ngành kinh tế, loại hình đào tạo chính quy, có ngành đào tạo đúng với ngành đào tạo Học viện thông báo tuyển sinh, sau khi trúng tuyển sẽ học theo chương trình đào tạo có thời hạn tối thiểu 1,5 năm.

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp cao đẳng “cử nhân thực hành” thuộc khối ngành kinh tế, loại hình đào tạo chính quy, có ngành đào tạo đúng với ngành đào tạo Học viện thông báo tuyển sinh, sau khi trúng tuyển sẽ học theo chương trình đào tạo có thời hạn tối thiểu 2 năm.

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp cao đẳng thuộc khối ngành kinh tế loại hình đào tạo chính quy, thuộc nhóm ngành kinh tế nhưng không đúng với ngành đào tạo mà Học viện thông báo tuyển sinh, sau khi trúng tuyển sẽ học theo chương trình đào tạo có thời gian tối thiểu 2 năm.

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp cao đẳng “cử nhân thực hành” thuộc nhóm ngành kinh tế, loại hình đào tạo chính quy nhưng không đúng với ngành đào tạo mà Học viện thông báo tuyển sinh, sau khi trúng tuyển sẽ học theo chương trình đào tạo có thời gian tối thiểu 2,5 năm.

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp cao đẳng loại hình đào tạo chính quy của các trường nước ngoài, trường nước ngoài hoạt động hợp pháp ở Việt Nam thì vẫn bằng phải được công nhận theo quy định của Bộ GD&ĐT.

4.1.2. Loại hình vừa làm vừa học

*** Đối tượng đào tạo 1,5 năm:**

Thí sinh có bằng tốt nghiệp cao đẳng thuộc các loại hình đào tạo có ngành đào tạo đúng với ngành đào tạo mà Học viện thông báo tuyển sinh.

*** Đối tượng đào tạo 2 năm:**

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp cao đẳng thuộc các loại hình đào tạo trong nhóm ngành kinh tế nhưng không đúng với ngành đào tạo mà Học viện thông báo tuyển sinh.

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp cao đẳng loại hình đào tạo chính quy của các trường nước ngoài, trường nước ngoài hoạt động hợp pháp ở Việt Nam thì văn bằng phải được công nhận theo quy định của Bộ GD&ĐT.

4.2. Phạm vi tuyển sinh

Học viện tuyển sinh trên toàn quốc.

4.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

4.3.1. Loại hình chính quy

Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở bậc cao đẳng: Thí sinh có bằng tốt nghiệp cao đẳng đạt loại khá trở lên, điểm xét tuyển là điểm trung bình chung tích lũy ở bậc cao đẳng, xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến hết số lượng theo chỉ tiêu của ngành xét tuyển.

4.3.2. Loại hình vừa làm vừa học:

Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở bậc cao đẳng: Thí sinh có bằng tốt nghiệp cao đẳng, điểm xét tuyển là điểm trung bình chung tích lũy ở bậc cao đẳng, xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến hết số lượng theo chỉ tiêu của ngành xét tuyển.

4.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

TT	Tên ngành	Chính quy	Vừa làm vừa học
1	Ngôn ngữ Anh	50	50
2	Kinh tế	50	50
3	Quản trị kinh doanh	80	50
4	Tài chính - Ngân hàng	180	50
5	Kế toán	240	50
6	Hệ thống thông tin quản lý	50	50
	Tổng cộng:	650	300

4.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

Thí sinh đã tốt nghiệp cao đẳng. Học viện quy định cụ thể kết quả xét tuyển, điểm trúng tuyển để đảm bảo chất lượng đầu vào.

4.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường: mã số trường, mã số ngành, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển...

Mã số trường: HTC

TT	Mã ngành	Tên ngành
1	7220201	Ngôn ngữ Anh
2	7310101	Kinh tế
3	7340101	Quản trị kinh doanh
4	7340201	Tài chính - Ngân hàng
5	7340301	Kế toán
6	7340405	Hệ thống thông tin quản lý

4.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo...

- Hồ sơ: theo mẫu quy định phát hành của Học viện Tài chính.
- Thời gian, địa điểm phát hành và nhận hồ sơ: Theo thông báo của Học viện.

4.8. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển...

Theo quy định hiện hành và quy định của Học viện Tài chính.

4.9. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)

4.10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)...

4.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt bổ sung trong năm: tháng 10 và 12.

Trên đây là Đề án tuyển sinh năm 2020 của Học viện, trong quá trình thực hiện, căn cứ tình hình thực tế, Học viện sẽ có phương án điều chỉnh phù hợp và công khai kịp thời trên trang thông tin điện tử www.hvtc.edu.vn/.

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

Nguyễn Trọng Cơ

NGÀNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC ĐÚNG/PHÙ HỢP THEO MÔN THI HỌC SINH GIỎI

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-HVTC ngày / /2020 của Giám đốc Học viện Tài chính)

TT	Môn thi	Ngành đúng	Ngành phù hợp
1	Toán		Tài chính – Ngân hàng
			Kế toán
			Quản trị kinh doanh
			Hệ thống thông tin quản lý
			Ngôn ngữ Anh
			Kinh tế
2	Vật lý		Tài chính – Ngân hàng
			Kế toán
			Quản trị kinh doanh
			Hệ thống thông tin quản lý
			Ngôn ngữ Anh
			Kinh tế
3	Hóa học		Tài chính – Ngân hàng
			Kế toán
			Quản trị kinh doanh
			Hệ thống thông tin quản lý
			Ngôn ngữ Anh
			Kinh tế
4	Ngữ văn		Tài chính – Ngân hàng
			Kế toán
			Quản trị kinh doanh
			Hệ thống thông tin quản lý
			Ngôn ngữ Anh
			Kinh tế
5	Tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Tài chính – Ngân hàng
			Kế toán
			Quản trị kinh doanh
			Hệ thống thông tin quản lý
			Kinh tế
6	Tin học	Hệ thống thông tin quản lý	Tài chính – Ngân hàng
			Kế toán
			Quản trị kinh doanh
			Ngôn ngữ Anh
			Kinh tế